

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BỐ TRẠCH  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: 63/2021/QĐST - HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bố Trạch, ngày 19 tháng 11 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 69/2021/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: chị Hoàng Thị N, sinh năm 1977; nơi cư trú: thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

- Bị đơn: anh Đinh Thanh T, sinh năm 1970; nơi cư trú: thôn T, xã V, B, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 11 tháng 11 năm 2021, về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án,

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 11 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Hoàng Thị N và anh Đinh Thanh T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

\* *Về con chung*: Chị Hoàng Thị N và anh Đinh Thanh T thống nhất thỏa thuận giao cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung Đinh Thị Thu P, sinh ngày 14/12/1999; Đinh Hoàng Thùy D, sinh ngày 29/02/2008 và Đinh Hoàng Đức A, sinh ngày 02/9/2014 (Trong đó Đinh Thị Thu P, sinh ngày 14/12/1999 mặc dù đã trưởng thành nhưng bị thần kinh và tàn tật không tự chăm sóc bản thân, nên cần người

chăm sóc nuôi dưỡng) và chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, đồng thời cam kết đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

\* *Về tài sản chung*: Hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận: Giao 01 ngôi nhà 02 tầng diện tích sàn xây dựng khoảng 100m<sup>2</sup> làm trên diện tích đất 120m<sup>2</sup> và diện tích đất 120m<sup>2</sup> đã được Ủy ban nhân dân huyện Bố Trạch cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 111 tờ bản đồ số 3; địa chỉ đất: xã V, huyện B, Quảng Bình vào ngày 25/02/2015 mang tên Hoàng Thị N và Đinh Thanh T, trị giá 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng), trong đó trị giá nhà 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), trị giá đất 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) cho chị Hoàng Thị N có quyền sở hữu và sử dụng, chị N có nghĩa vụ giao tiền chênh lệch tài sản cho anh T số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) và thỏa thuận trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Như vậy chị N được hưởng tài sản trị giá 300.000.000đ, anh T được hưởng trị giá tài sản 300.000.000đ.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự tính trên số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chậm trả.

Một số tài sản khác còn lại các đương sự thỏa thuận tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: không có.

\* *Về án phí*: chị Hoàng Thị N thỏa thuận chịu 150.000đ án phí ly hôn và phải chịu  $[5\% \times 300.000.000\text{đ}] : 2 = 7.500.000\text{đ}$  (bảy triệu, năm năm nghìn đồng) án phí chia tài sản nhưng được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 19.350.000đ (mười chín triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bố Trạch số 0000665 ngày 19/8/2021, chị N được nhận lại khoản tiền còn thừa 11.700.000đ (mười một triệu, bảy trăm nghìn đồng); anh Đinh Thanh T phải chịu  $[5\% \times 300.000.000\text{đ}] : 2 = 7.500.000\text{đ}$  (bảy triệu, năm năm nghìn đồng) án phí chia tài sản.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAQB;
  - VKSND huyện Bồ Trạch (2 bản);
  - Chi cục THADS huyện Bồ Trạch;
  - Hai đương sự (2 bản);
  - UBND xã V
- (Giấy CNKH ngày 10/3/1997);
- Lưu HSVA;
  - Lưu AV.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Phú Quảng**